TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:55/2023/HS-PT
Ngày 26 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

*Các Thẩm phán:*Ông Cao Minh Lễ và bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa:Bà Phạm Thị Mộng Linh– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22và 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:76/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023đối với bị cáo Ndo có kháng cáo của Bị cáo N, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2023/HS-ST ngày 10tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang;

N (D), sinh ngày 14/10/1992. Nơi cư trú: Số 12A2, tổ 1, khóm BK5, phường BK, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông T, sinh năm 1953 (đã chết) và bà L, sinh năm 1958; Anh, chị, em ruột có hai người, bị cáo là người thứ hai; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/Ông T1, sinh năm 1956. Nơi cư trú: khóm PH, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang (đã chết)

2/ Bà H, sinh năm 1957. Nơi cư trú: khóm PH, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang (có mặt).

Đại diện bị hại:

1/ Ông T2, sinh năm 1932. Nơi cư trú: ấp ĐP1, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2/ Bà B, sinh năm 1935. Nơi cư trú: ấp ĐP1, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3/ Bà H, sinh năm 1957. Nơi cư trú: khóm PH, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang (có mặt);

4/ Bà V, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp TBN, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang (có mặt);

5/Bà V1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khóm HĐ, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang (vắng mặt);

6/ Ông T3, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp PH, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang (có mặt);

7/ Ông T4, sinh năm 1990. Nơi cư trú: khóm PH, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang (vắng mặt);

(Ông T2, bà B, bà H, chị V1, anh T3, anh T4 ủy quyền cho chị V, tham gia tố tụng)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Đ, sinh năm 1974. Nơi cư trú: khóm ĐS2, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Anh B1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số 100, khóm BT1, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng: Anh N1, sinh năm 1989.Nơi cư trú: khóm BS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang (vắng mặt).

(Do có kháng cáo của bị cáo N; bị hại và Viện kiểm sát không kháng cáo, kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 17/5/2022, N (có giấy phép lái xe Hạng C, giá trị đến ngày 06/5/2024); điều khiển xe ôtô tải biển số 51D-665.55 lưu thông trên đường tỉnh Lộ 943 theo hướng thành phố LX - thị trấn NS. Khi đến khóm Thanh Niên, thị trấn PH, huyện TS. N mở đèn xi nhan phải, điều khiển xe chạy sát vào lề đường bên phải, xong N tiếp tục điều khiển xe rẽ trái hướng về thành phố LX nhưng không mở đèn xi nhan trái và không quan sát xe chạy cùng chiều dẫn đến va chạm với xe gắn máy biển số 67AA-008.03 do T1 điều khiển chở H ngồi phía sau làm T1, H ngã xuống đường bất tỉnhvà được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang cấp cứu điều trị. Đến ngày 19/5/2022, T1 chết, riêng H ngày 30/5/2022 ra viện.

Ngày 30/7/2022, N bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ:xe ô tô tải biển số 51D-665.55, xe gắn máy biển số 67AA-008.03, đoạn video thu giữ tại cửa hàng xe Nam Thành 5 cùng các đồ vật liên quan. Ngày 27/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS đã trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô 51D-665.55 cho N.

Tại Phiếu kiểm tra nồng độ cồn ngày 17/5/2022 của Công an huyện TS, ghi nhận nồng độ cồn trong hơi thở của N là 0.0mg/l.

Theo bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 18/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, ghi nhận như sau:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường tỉnh 943, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, có biển báo giao thông đường bộ, tầm nhìn rộng không bị che khuất. Chiều rộng toàn bộ mặt đường là 14,3m, ở giữa là dải phân cách cố định chia đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt.

Nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ thuộc phần đường bên phải đường tỉnh 943 (hướng thành phố LX - thị trấn NS). Phần đường bên phải rộng 7m, ở giữa có vạch kẻ đường đứt khúc chia phần đường thành 02 làn xe chạy, làn đường bên trong rộng 3.7m. Chọn trụ điện số 473-471TS/240 nằm bên phải đường tỉnh 943 (hướng thành phố LX - thị trấn NS) làm điểm mốc chuẩn; mép lề bên phải làm lề đường chuẩn.

- Vị trí số 01: Xe ô tô tải biển số 51D-665.55, đầu xe quay về hướng lề bên trái, đuôi xe quay về hướng lề bên phải. Trục trước bên phải cách lề chuẩn 3.75m, trục sau bên phải cách lề chuẩn 1.4m và cách điểm mốc chuẩn là 6.1m.

- Vị trí số 02: Vết cày trên mặt đường nhựa dài 3,65m dạng cong, không liên tục. Điểm đầu vết cày cách lề chuẩn là 4.7m và cách trục trước bên phải xe ô tô tải biển số 51D-665.55 là 0.8m. Điểm cuối vết cày kết thúc tại gác chân trước bên trái xe gắn máy biển số 67AA-008.03 và cách lề chuẩn 5.3m.

- Vị trí số 03: Xe gắn máy biển số 67AA-008.03, đầu xe quay về hướng thị trấn NS, đuôi xe quay về hướng thành phố LX, trạng thái ngã bên trái. Trục trước cách lề chuẩn 5.45m, trục sau cách lề chuẩn 5.1m, cách điểm mốc chuẩn 7.4m và cách trục trước bên phải xe ô tô tải biển số 51D-665.55 là 3,7m.

Tại các Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 18/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS đối với xe ô tô tải biển số 51D-665.55, nhãn hiệu ISUZU, số loại NPR 66P-STD, màu bạc trắng, số máy 416500, số khung JAANPR66P67102106, kích thước (6900x2130x3400)mm, ghi nhận:

- Thanh kim loại cố định gương chiếu hậu bên trái rời khỏi vị trí ban đầu.

- Mặt ngoài bên trái ốp nhựa gương chiếu hậu bên trái có vết trầy xước phức tạp, kích thước (2 x 0.5)cm, hướng từ sau ra trước và cao cách nền 1.46m.

- Mặt ngoài ốp nhựa đèn xi nhan phía trước bên trái có nhiều vết nứt, trầy xước phức tạp, kích thước (20 x 11)cm, hướng từ sau ra trước và cao cách nền là 0.8m.

- Mặt ngoài cản trước bên trái có vết bám sơn, màu nâu, kích thước (14 x 2)cm, hướng từ sau ra trước và cao cách nền 0.6m.

- Mặt ngoài ốp kim loại phía dưới cửa xe bên trái có nhiều vết trầy xước, mài mòn kim loại, rạn nứt làm móp méo phức tạp, kích thước (30 x 30)cm, hướng từ sau ra trước và từ ngoài vào trong, tầm cao cách nền là 0.75m.

Tại Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 18/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS đối với xe gắn máy

biển số 67AA-008.03, nhãn hiệu Honda, loại Super Cup, màu xanh, số máy 3219983, kích thước (1,78x0,68x1,12)m, ghi nhận:

- Gương chiếu hậu bên trái rời khỏi vị trí ban đầu.

- Mặt ngoài ốp nhựa đèn xi nhan trước bên trái bị trầy xước, kích thước (2.5 x 1)cm, hướng từ trên xuống dưới.

- Mặt ngoài bên tráichắn bùn trước bị mài mòn, trầy xước, kích thước (4 x 1)cm, hướng từ trước ra sau.

- Mặt ngoài ốp nhựa gác chân trước bên trái bị mài mòn, trầy xước phức tạp, kích thước (3.7 x 3.7)cm, hướng từ trước ra sau.

- Mặt ngoài ốp nhựa - kim loại đèn xi nhan sau bên trái bị mài mòn, trầy xước, kích thước (3 x 2)cm, hướng từ trước ra sau.

- Mặt ngoài - phía trước đầu tay thắng trước bên phải có vết mài mòn, trầy xước kim loại, kích thước (1.5 x 0.4)cm, hướng từ trong ra ngoài, cao cách nền 0.87m.

- Mặt ngoài bên phải ốp cao su yên xe trước có vết mài mòn, kích thước (2 x 0.7)cm, hướng từ trước ra sau, cao cách nền 0.65m.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thisố 134/22/TT ngày 19/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với T1, xác định như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: bầm tụ máu dưới da vùng trán – đỉnh - thái dương phải tương ứng với vết bầm máu bên ngoài. Hộp sọ trơn láng không rạn nứt, không vỡ. Máu tụ dưới màng cứng bán cầu não phải khoảng 100gam. Xuất huyết dưới nhện lan tỏa hai bán cầu đại não. Xuất huyết não thất phải. Dập phù não lan tỏa hai bán cầu đại não, mất rãnh não.

Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não nặng, máu tụ dưới màng cứng, dập phù não. Do đầu va đập rất mạnh vào vật tày cứng.

Tại Kết luận giám định số 233/KL-KTHS (KTHSĐT-GT) ngày 14/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận: trích xuất 11 ảnh từ dữ liệu tập tin video lưu trữ trong đĩa DVD (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tíchsố 504/22/TgT ngày 16/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với H, xác định như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: chấn thương sọ não: máu tụ dưới màng cứng bán cầu não trái và thái dương phải. Xuất huyết dưới nhện trán hai bên. Nứt sọ chẩm trái. Điều trị bảo tồn. Tỷ lệ là 22%; cơ chế: Do đầu va đập mạnh vào vật tày cứng gây nên.

Sây sát dạng mảng mặt trước gối phải để lại vết biến đổi sắc tố da, kích thước (05 x 02)cm: tỷ lệ là 0.5%. Do vật tày gây nên. Sây sát dạng mảng không liên tục mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân phải để lại vết biến đổi sắc tố da, kích thước (05 x 04)cm: tỷ lệ là 0.5%, do vậy tày gây nên. Chấn thương cẳng chân phải, gãy mâm chày phải, điều trị bảo tồn: tỷ lệ là 15%: Cơ chế: tổn thương gián tiếp do

lực dồn trục. Chấn thương cột sốngthắt lưng, gãy lún thân L1, điều trị bảo tồn: tỷ lệ là 21%. Cơ chế: tổn thương gián tiếp do lực dồn trụ. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 48%.

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKSTS-HS ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo N về tội"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số07/2023/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giangđã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo N (D) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, Điều 590, Điều 591, Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo N, anh B1 với đại diện hợp pháp bị hại chị V về việc bị cáo N, anh B1 liên đới bồi thường, khắc phục hậu quả thêm cho bị hại H và đại diện bị hại (do chị V đại diện nhận) tiền chi phí điều trị, tiền sửa xe, tiền mai táng, tiền tổn thất tinh thần tổng cộng 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho đại diện hợp pháp của người bị hại(do chị V đại diện nhận) 01 xe gắn máy biển số 67AA-008.03, nhãn hiệu Honda, loại Super Cup, màu xanh, số khung: C503220064, số máy C50E3219983 (đã qua sử dụng);

Trả lại cho anh B1 xe ô tô tải biển số 51D-665.55, màu sơn: bạc, nhãn hiệu: ISUZU, số khung: R66P67102106, số máy: 416500 (đã qua sử dụng);

Trả lại cho bị cáo N 01 giấy phép lại xe hạng C, số 890196005013 tên N.

(Vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSTS ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáoNchịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới cùng với anh B1 chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người liên quantheo luật định pháp luật.

Ngày14/02/2023, bị cáo Nkháng cáoxin giảm nhẹ hình phạt, cho được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nkhai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội; bị cáo xin xem xét hoàn cảnh gia đình mẹ già bệnh tai biến, là lao động chính trong gia đình, nhân thân tốt;giai đoạn phúc thẩm bị cáo và người liên quan anh B1 có bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000đ để khắc phúc hậu quả;

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

-Về thủ tục kháng cáo của Bị cáo Nhợp lệ, nên xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

-Về nội dung kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật; cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội và có căn cứ; tuy nhiên giai đoạn phúc thẩm bị cáo khắc phục cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000đ; bị hại xin cho bị cáo hưởng án treo, để có thời gian tiếp tục khắc phục cho gia đình bị hại, đây là tình tiết mới;

Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017; chấp nhận kháng cáo của Bị cáo N xin được hưởng án treo; xử phạt Bị cáo N 02 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách 04 năm; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường BK giáo dục, giám sát trong thời gian thử thách; bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm; các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ y;

Tranh luận: Bị cáo không tranh luận, thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát;

Lời nói sau cùng của bị báo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng án treo, mẹ bị cáo bệnh tai biến, bị cáo lao động chính trong gia đình lo cho mẹ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của Bị cáo N hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; tuy nhiênnhững

người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử; căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

[3] Bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cho rằng cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" là đúng người, đúng tội; chỉ xin xem xét hoàn cảnh gia đình, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo; lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Khoảng 07 giờ ngày 17/5/2022, bị cáo N (có giấy phép lái xe Hạng C, giá trị đến ngày 06/5/2024); điều khiển xe ôtô tải biển số 51D-665.55 lưu thông trên đường tỉnh Lộ 943 theo hướng thành phố LX, thị trấn NS; khi đến khóm Thanh Niên, thị trấn PH, huyện TS. Bị cáo N điều khiển xe rẽ trái hướng về thành phố LX nhưng không mở đèn xi nhan trái và không quan sát xe chạy cùng chiều dẫn đến va chạm với xe gắn máy biển số 67AA-008.03 do T1 điều khiển chở H ngồi phía sau làm T1, H ngã xuống đường bất tỉnh; hậu quả ông T1 chết và làm bà H bị thương tích;

[4] Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017; *"Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm tù" [khoản 1 Điều 260 Bộ luật này quy định*; *Điểm* a) *Làm chết người;....]*. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" là có căn cứ, đúng pháp luật;

[5] Bị cáo N có đủ năng lực hành vi; nhận thức được khi tham gia giao thông phải chấp hành tốt Luật giao thông đường bộ, phải chú ý quan sát để kịp thời xử lý tình huống xấu phát sinh; do bị cáo chủ quan khi điều khiển xe từ hướng Long Xuyên đi Núi Sập, cho xe chuyển hướng từ lề phải qua lề trái không bật đèn xi nhan trái và thiếu quan sát gây tai nạn giao thông và hậu quả đáng tiếc xảy ra làm 01 người chết và 01 người bị thương tích với tỷ lệ 48%.

[6] Hành vi của bị cáo gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, mà còn gây đau thương mất mát về vật chất, tinh thần cho gia đình người bị hại; xâm phạm đến an toàn giao thông, gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng tại địa phương. Do vậy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, để răn đe và giáo dục phòng ngừa chung;

[7] Cấp sơ thẩm có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có thời gian phục vụ trong quân đội tại Tiểu đoàn pháo binh, thuộc Quân khu 9; sau khi vụ án xảy ra đã khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại và đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, Bị cáo N đã khắc phục bồi thường thêm cho gia đình bị hại 100.000.000đ; gia đình bị hại xác nhận đã nhận tiền từ bị cáo 100 triệu đồng và xin cho bị cáo được hưởng án treo; Bị cáo N đã đủ điều kiện để được

hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự; nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội;

Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo 2 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực; giao Bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường BK để giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ cải tạo thành công dân có ích cho xã hội; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận;

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo N về việc xin được hưởng án treo;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2023/HS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Tuyên bố bị cáo N (D) phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo N (D) 02 (hai) năm tù, nhưng cho Bị cáo N được hưởng án treo; thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực;

Giao bị cáo N (D) cho Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, Điều 590, Điều 591, Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo N, anh B1 với đại diện hợp pháp bị hại chị V về việc bị cáo N, anh B1 liên đới bồi thường, khắc phục hậu quả thêm cho bị hại H và đại diện bị hại (do chị V đại diện nhận) tiền chi phí điều trị, tiền sửa xe, tiền mai táng, tiền tổn thất tinh thần tổng cộng 150.000.000 đồng (đã nhận được 100.000.000đ, có biên nhận); nên Bị cáo N và anh B1 còn phải tiếp tục liên đới bồi

thường thiệt hại thêm cho gia định bị hại (do chị V đại diện nhận) số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho đại diện hợp pháp của người bị hại (do chị V đại diện nhận) 01 xe gắn máy biển số 67AA-008.03, nhãn hiệu Honda, loại Super Cup, màu xanh, số khung: C503220064, số máy C50E3219983 (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho anh B1 xe ô tô tải biển số 51D-665.55, màu sơn: bạc, nhãn hiệu: ISUZU, số khung: R66P67102106, số máy: 416500 (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo N 01 giấy phép lại xe hạng C, số 890196005013 tên N.

(Vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSTS ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS).

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo N chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và Bị cáo N liên đới cùng với ông B1 chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N không phải chịu.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- TAND huyện TS (2);
- Công an huyện TS (1);
- Chi cục THADShuyện TS(1);
- Bị cáo (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đại diện bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

Nguyễn Văn Sơn